

Điểm chuẩn trường Đại học Công Nghệ Miền Đông năm 2018

Trường Đại học Công nghệ Miền Đông được thành lập theo quyết định số 2168/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ và Trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoạt động đào tạo theo Quyết định số 727/QĐ-BGDĐT ngày 4 tháng 3 năm 2014. Sứ mệnh của Trường Đại học Công nghệ Miền Đông là đào tạo những Dược sĩ, Kỹ sư và Cử nhân có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ kiến thức và năng lực thực hành giỏi nhằm đáp ứng nguồn nhân lực có trình độ cao cho địa bàn tỉnh Đồng Nai và toàn Khu vực Miền đông Nam bộ.

Tên trường: Đại học Công Nghệ Miền Đông

Mã ngành: DMD

Địa chỉ: - Trụ sở chính: xã Xuân Thạnh, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Cở sở tại TP. Biên Hoà

+ Cơ sở 1: 1475 Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Tiến, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

+ Cơ sở 2: 123B Phan Chu Trinh, phường Quang Vinh, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 0251 3772 668

Điểm chuẩn trường Đại học Công nghệ Miền Đông năm 2018 như sau:

BẤM XEM tại đây => <https://doctailieu.com/diem-chuan-truong-dai-hoc-cong-nghe-mien-dong>

Tham khảo điểm chuẩn những năm trước:

Dữ liệu điểm chuẩn năm 2017 như sau:

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn	Điểm chuẩn	Ghi chú
1	7220201	Ngôn ngữ Anh	D01; D10; D14; D15	15.5	
2	7340120	Kinh doanh quốc tế	A00; A01; C04; D01	15.5	
3	7360708	Quan hệ công chúng	C04	---	
4	7360708	Quan hệ công chúng	D01; D14; D15	15.5	
5	7380107	Luật kinh tế	A00; A01; D01; D15	15.5	
6	7510601	Quản lý công nghiệp	A00; A01; B00; D01	15.5	
7	7580201	Kỹ thuật xây dựng	A00; A01; A02; C01	15.5	
8	7720201	Dược học	A00; B00; C02; D07	15.5	
9	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00; A01; B00; D01	15.5	
10	7850103	Quản lý đất đai	A00; A01; B00; D01	15.5	

Năm 2016 thông báo điểm chuẩn như sau:

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn	Điểm chuẩn	Ghi chú
1	7850103	Quản lý đất đai	A00; A01; B00; D01	---	
2	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00; A01; B00; D01	---	
3	7720401	Dược học	A00; B00; C02; D07	---	
4	7580201	Kỹ thuật công trình xây dựng	A00; A01; A02; C01	---	
5	7510601	Quản lý công nghiệp	A00; A01; B00; D01	---	
6	7380107	Luật kinh tế	A00; A01; D01; D15	---	
7	7360708	Quan hệ công chúng.	D01; D10; D14; D15	---	
8	7340120	Kinh doanh quốc tế	A00; A01; C04; D01	---	
9	7220201	Ngôn ngữ Anh	D01; D10; D14; D15	---	

Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2018 của trường như sau:

STT	Ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển bằng học bạ	Tổ hợp môn xét tuyển bằng điểm thi THPTQG
1	Dược học	7720201	-Toán, Lý, Hóa -Toán, Hóa,Sinh -Toán, Hóa, Văn -Toán, Hoá, Tin	-Toán, Lý, Hóa (A00) -Toán, Hóa,Sinh (B00) -Toán, Hóa, Anh (D07) -Toán, Hóa, Văn (C02)
2	Quản lý công nghiệp	7510601	-Toán, Lý, Hóa -Toán, Tin, Anh -Toán, Hóa, Sinh -Toán, Địa, Anh	-Toán, Lý, Hóa (A00) -Toán, Lý, Anh (A01) -Toán, Hóa, Sinh (B00) -Toán, Văn, Anh (D01)
3	Ngôn ngữ Anh	7220201	-Toán, Văn, Anh -Toán, Anh, Địa -Văn, Anh, Địa -Toán, Anh, Tin	-Toán, Văn, Anh (D01) -Toán, Anh, Địa (D10) -Văn, Anh, Sử (D14) -Văn, Anh, Địa (D15)
4	Kỹ thuật xây dựng	7580201	-Toán, Lý, Hóa -Toán, Địa, Công nghệ -Toán, Tin, Anh -Toán, Lý, Tin	-Toán, Lý, Hóa (A00) -Toán, Lý, Sinh (A02) -Toán, Lý, Anh (A01) -Toán, Lý, Văn (C01)
5	Luật kinh tế	7380107	-Toán, Lý, Hóa -Toán, GDCD, Anh -Toán, Văn, Anh -Văn, GDCD, Sử	-Toán, Lý, Hóa (A00) -Toán, Lý, Anh (A01) -Toán, Văn, Anh (D01) -Văn, Anh, Địa (D15)
6	Kinh doanh quốc tế	7340120	-Toán, Lý, Hóa -Toán, Lý, Anh -Toán, Văn, Anh -Toán, Địa, Tin	-Toán, Lý, Hóa (A00) -Toán, Lý, Anh (A01) -Toán, Văn, Anh (D01) -Toán, Văn, Địa (C04)
7	Quan hệ công chúng	7320108	-Toán, Văn, Anh -Toán, Anh, Địa -Văn, Anh, Địa -Toán, GDCD,Tin	-Toán, Văn, Anh (D01) -Toán, Anh, Địa (D10) -Văn, Anh, Sử (D14) -Văn, Anh, Địa (D15)
8	Quản lý đất đai	7850103	-Toán, Lý, Hóa -Toán, Địa, Anh -Toán, Hóa, Sinh -Toán, Văn, Anh	-Toán, Lý, Hóa (A00) -Toán, Lý, Anh (A01) -Toán, Hóa, Sinh (B00) -Toán, Văn, Anh (D01)
9	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	-Toán, Lý, Hóa -Toán, Địa, Anh -Toán, Hóa,Tin -Toán, Văn, Anh	-Toán, Lý, Hóa (A00) -Toán, Lý, Anh (A01) -Toán, Hóa, Sinh (B00) -Toán, Văn, Anh (D01)